TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 01 năm 2018
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ,TỈNH VINH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Văn Bắc

2. Ông Nguyễn Bằng

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Hoàng Quốc Khánh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Ông Dương Mạnh Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2017/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976, (có mặt)

Bị đơn: Anh Tạ Trường G, sinh năm 1974, (vắng mặt)

Đều cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện S, Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2017, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Tạ Trường G ngày 15/01/1996. Trước khi cưới được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S. Cưới xong chị về chung sống cùng gia đình anh G ngay. Vợ chồng ở chung được khoảng hơn 01 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Quá trình vợ chồng chung sống hoà thuận đến tháng 3/2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh G lười lao động, thường xuyên uống rượu say rồi về nhà đánh đập chửi bới chị, mặt khác anh G còn có quan hệ bất chính với người khác, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không

được. Hai bên gia đình có giàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh G.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Tạ Mai H, sinh năm 1996 và cháu Tạ Ngọc Đ, sinh ngày 08/4/2003. Hiện nay cháu H đã trưởng thành chị không đề nghị Tòa án giải quyết, cháu Đ đang ở với anh G từ khi vợ chồng sống ly thân. Ly hôn chị xin nuôi cháu Đ, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Thu nhập bình quân 4.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Tạ Trường G vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình giải quyết anh trình bày do anh bận công việc không đến tòa giải quyết được anh đề ghị tòa án xét xử vắng mặt anh, anh trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như chị N trình bày là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình không có mâu thuẫn gì lớn. Sau khi chị N đi lao động ở Malaixia thì chị N về nhà bố mẹ đẻ ở không về gia đình anh nữa, nguyên nhân vì sao thì anh không biết. Việc chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ là do chị N tự bỏ về chứ anh không đuổi, vợ chồng cắt đứt quan hệ từ đó cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh xin đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con như chị N trình bày là đúng. Hiện cháu H đang học đại học, cháu Đ đang ở cùng anh. Nếu vợ chồng ly hôn cháu Đ ở với ai tự cháu quyết định.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Qua xác minh địa phương UBND xã Đồ chị N và anh G kết hôn năm 1996 tại UBND xã Đ, khi cưới được tự do tìm hiểu. Quá trình vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2013 đến nay. Trong cuộc sống hàng ngày ở địa phương thì anh G là người hay uống rượu không tập trung làm ăn.Về con chung: chị N, anh G có hai con hiện cháu H đi học đại học, cháu Đ đang ở cùng anh G. Trong quá trình chị N, anh G chung sống xảy ra cãi chửi đánh nhau anh G đã vứt đồ đạc, quần áo của chị N xuống ao thôn đã phải đến giải quyết vụ việc. Nay chị N xin ly hôn anh G đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên

đơn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N và xử cho chị N được ly hôn với anh Tạ Trường G.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tạ Ngọc Đ, sinh ngày 08/4/2003, hiện đang ở cùng anh G, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Không ai được ngăn cảm quyền thăm nuôi con.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Tạ Trường G là hôn nhân hợp pháp tiến bộ, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S. Quá trình vợ chồng chung sống theo chị N vợ chồng hoà thuận đến tháng 3/2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh G lười lao động, thường xuyên uống rượu say rồi về nhà đánh đập chửi bới chị, ngoài ra anh G còn có quan hệ bất chính với người khác, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng sống ly thân từ đó, hai bên gia đình có giàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh G. Theo anh G nguyên nhân mâu thuẫn chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình không có mâu thuẫn gì lớn. Sau khi chị N đi lao động ở Malaixia thì chị N về nhà bố mẹ đẻ ở không về gia đình anh nữa, nguyên nhân vì sao thì anh không biết. Việc chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ là do chị N tự bỏ về chứ anh không đuổi, vợ chồng cắt đứt quan hệ từ đó cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh xin đoàn tụ. Việc anh G xin được đoàn tụ để vợ chồng về làm ăn chung sống nhưng anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn gia đình. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh G đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc

chị N xin ly hôn anh G là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Tạ Mai H, sinh năm 1996 và cháu Tạ Ngọc Đ, sinh ngày 08/4/2003. Hiện nay cháu H đã trưởng thành chị N, anh G không đề nghị Tòa án giải quyết, cháu Đ vẫn ở với anh G từ khi vợ chồng tôi sống ly thân. Ly hôn chị N xin được nuôi cháu Đ, nguyện vọng của cháu Đ cũng xin được ở với mẹ, anh G cũng đồng ý theo nguyện vọng của cháu Đ. Do vậy nên giao cháu Đ cho chị N nuôi dưỡng, việc chị N không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị N, anh G không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và quyết định.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình và điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Tạ Trường G.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tạ Ngọc Đ, sinh ngày 08/4/2003, hiện đang ở cùng anh G. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Việc thăm nom không ai được cản trở.

Theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2014/0002078 ngày 27/11/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị N đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự

vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân xã nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Sông Lô;*
- *Chi cục THA DS huyện Sông Lô;*
- *UBND xã Đồng Quế;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ